TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH LƯU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19/2019/QĐST-DS	*Quỳnh Lưu, ngày 28 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 69/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Dương Văn N, sinh năm 1959.

Nơi cư trú: Khối 9, thị trấn CG, huyện QL, tỉnh Nghệ An

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngọc:

Anh Dương Bá Ng, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Khối 10, thị trấn Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An

- *Bị đơn*: Chị Trần Thị T, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Khối 9, thị trấn CG, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Thanh: Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Khối 9, thị trấn Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ: Chị Trần Thị T thống nhất chịu trách nhiệm trả cho ông Dương Văn N tổng số tiền gốc đã vay là 2.180.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm tám mươi triệu đồng), trong đó số tiền gốc vay ngày 06/8/2018 (dương lịch) là 1.250.000.000 đ (Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng) và ngày 03/02/2019 (dương

lịch) là 930.000.000 đồng (Chín trăm ba mươi triệu đồng). Ông N không yêu cầu lãi suất.

2.2. Về án phí:

Chị Trần Thị T thỏa thuận chịu cả 37.800.000 đ (Ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị Trần Thị T có đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn được Ủy ban nhân dân thị trấn Cầu Giát xác nhận nên giảm cho chị T 50% phần án phí phải nộp là 9.450.000 đồng (Chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Chị Trần Thị T còn phải nộp 28.350.000 đồng (Hai mươi tám triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Dương Văn N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 18.900.000 đ (Mười tám triệu chín trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004287 ngày 18/11/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật THADS thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7 và 9 Luật THADS. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật THADS.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND h. Quỳnh Lưu;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- CCTHADS h Quỳnh Lưu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Anh Sơn

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).